TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/DS-ST
Ngày: 03/08/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Thành và bà Trần Thị Thúy Vi.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 08 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 253/2025/TLST- DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2026/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 06 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2026/QĐST-DS ngày 17 tháng 07 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Hòa T, xã E, tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị N: Công ty Luật TNHH G - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: 55 L, phường Buôn H, tỉnh Đắk Lắk; *Người đại diện:* Luật sư Nguyễn Thiện K, chức vụ: Trưởng chi nhánh *(Có mặt)*

Người được ủy quyền lại của người đại diện theo ủy quyền Công ty Luật TNHH G - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk (là Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị N): Ông Đồng Ngọc H, sinh ngày: 15/08/2002. Địa chỉ: 55 L, phường Buôn H, tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt)*

- Bị đơn: Công ty cổ phần I. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, ITòa TT02-16 Dự án Hải Đ, phường T, thành phố Hà Nội. *(Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 15 tháng 07 năm 2026 của Công ty cổ phần I)*

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Duy H1, chức vụ: Tổng giám đốc. Địa chỉ: Thôn 6, xã V, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ hiện tại: Tòa W, Khu đô thị E, xã P, tỉnh Hưng Yên. *(theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 15 tháng 07 năm 2026 của Công ty cổ phần I) (Vắng mặt)*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1979. Địa chỉ: 03A, phường T, tỉnh Đắk Lắk. *(Vắng mặt)*

2. Ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn Hòa T, xã E, tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Phan Thị N cùng ông Đồng Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày:*** Bà Phan Thị N cư trú tại Thôn Hòa T, xã E (cũ là xã Hoà Đ), tỉnh Đắk Lắk và có vườn cây sầu riêng tọa lạc tại xã E (cũ là xã Hoà Đ), tỉnh Đắk Lắk. Vào niên vụ Sầu riêng năm 2025, Công ty cổ phần I đã đến thăm vườn sầu riêng của bà N và giữa bà N với Công ty đã có thoả thuận mua bán vườn sầu riêng với nhau. Cụ thể, bà Phan Thị N đã đồng ý bán sầu riêng cho Công ty cổ phần I và hai bên đã xác lập Hợp đồng mua bán trái sầu riêng tươi số 031/HĐMB/2025 ngày 13/08/2025 kèm phụ lục I (phụ lục giá bán hàng hóa 031-1/HĐMB/2025 ngày 13/08/2025).

Sau khi ký hợp đồng thì bên mua là Công ty cổ phần I đã tiến hành cử người đến cắt trái sầu riêng tại vườn sầu riêng của bà N. Theo Điều 4.1 tại Hợp đồng mua bán trái sầu riêng tươi số 031/HĐMB/2025 ngày 13/08/2025 thể hiện thời hạn thanh toán của các bên là sau 15 ngày, kể từ ngày cắt và cân hàng hóa của mỗi dao.

Tuy nhiên, sau khi Công ty cổ phần I cắt toàn bộ trái sầu riêng của vườn bà N xong và đến hạn thanh toán theo Hợp đồng thì Công ty chưa thanh toán đủ tiền đã mua sầu riêng quả tươi cho bà N. Và Công ty cổ phần I còn nợ bà N số tiền là 113.000.000 đồng. Công ty đã nhiều lần đơn phương ra công văn xin khất lại ngày thanh toán tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa thực hiện trả số tiền còn lại cho bà N và đến nay đã quá hạn. Bản thân bà N cũng đã nhiều lần yêu cầu Công ty trả số tiền sầu riêng mà công ty còn nợ của bà N cho bà N nhưng Công ty vẫn không trả. Tại Điều 4.1 Hợp đồng mua bán, ký gửi trái sầu riêng tươi đã ký kết giữa các bên có nêu: *"4.1. Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán tiền mua hàng cho bên B trong vòng 15 ngày, kể từ ngày cắt và cân hàng hóa mỗi dao. Thanh toán tiền mặt hoặc chuyển khoản"*..

Bản thân bà Phan Thị N (bên bán) đã giao đủ số lượng hàng hóa (sầu riêng quả tươi) đúng thời hạn, chất lượng đạt tiêu chuẩn, có biên bản cân, giao nhận, xác nhận thu mua của đại diện Công ty cổ phần I tại vườn cây. Tuy nhiên, Công ty không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù trong Hợp đồng mua bán trái sầu riêng tươi, các bên có thỏa thuận trong trường hợp có tranh chấp mà hai bên không tự giải quyết được thì vụ việc sẽ được đưa ra Tòa án kinh tế tỉnh Đắk Lắk và Tòa án kinh tế thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, đây là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện (nay là Tòa án nhân dân khu vực) nên việc thỏa thuận lựa chọn nêu trên không có hiệu lực. Căn cứ theo điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

"*1. Nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động trong các trường hợp sau đây:*

g) Nếu tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết;".

Hợp đồng mua bán trái sầu riêng tươi của bà Phan Thị N được thực hiện tại khu vực xã Hòa Đ, huyện Krông P, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk). Do đó, bà Phan Thị N lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

Do quyền, lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị N bị Công ty cổ phần I xâm phạm. Do đó bà Phan Thị N đã có đơn khởi kiện Công ty Công ty cổ phần I đến Tòa án đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết:

1. Buộc Công ty cổ phần I có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị N tổng số tiền mua trái sầu riêng còn nợ là 113.000.000 đồng (Một trăm mười ba triệu đồng).

2. Buộc Công ty cổ phần I có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phan Thị N số tiền phạt vi phạm với mức phạt 150% lãi suất tiền gửi ngân hàng hiện hành (tương đương 7,125%/năm) đối với số tiền mua trái sầu riêng còn nợ, tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm vụ án, tạm tính đến ngày khởi kiện ngày 01/11/2025 là 939.312 đồng.

3. Buộc Công ty cổ phần I có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phan Thị N tiền lãi suất chậm trả, tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm vụ án, tạm tính đến ngày khởi kiện ngày 01/11/2025 là 1.300.273 đồng.

Tuy nhiên, sau khi đối chiếu rà soát nay bà Phan Thị N chỉ yêu cầu Công ty cổ phần I có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị N tổng số tiền mua trái sầu riêng còn nợ là 112.200.000 đồng (Một trăm mười hai triệu hai trăm nghìn đồng) mà Công ty hiện đang còn nợ và được Công ty thừa nhận theo giấy xác nhận nợ của Công ty với bà N (Công ty đã có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án (do ông Đỗ Mạnh C, chức vụ: Phó tổng giám đốc có văn bản gửi Tòa án).

Do đó nguyện vọng của bà Phan Thị N tại phiên tòa đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Buộc Công ty cổ phần I có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị N tổng số tiền mua trái sầu riêng Công ty còn nợ là 112.200.000 đồng (Một trăm mười hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Đối với tiền lãi do chậm trả, tiền phạt vi phạm và số tiền 800.000 đồng Công ty còn nợ đã trả cho bà thì bà N không yêu cầu Công ty phải trả nữa và bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Bà N xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 800.000 đồng Công ty còn nợ đã trả, tiền lãi do Công ty chậm trả, tiền phạt vi phạm do chậm trả. Ngoài ra bà N không có yêu cầu gì thêm.

**** Đối với bị đơn Công ty cổ phần I:*** Tòa án đã triệu tập hợp lệ người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần I đến Tòa án làm việc nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần I không đến làm việc. Tuy nhiên phía Công ty cổ phần I có văn bản ý kiến gửi Tòa án với nội dung: Công ty thừa nhận trong quá trình mua sầu riêng của người dân trong đó có bà Phan Thị N thì Công ty đã thanh toán một phần theo hợp đồng mua bán hàng hóa với bà N. Công ty thừa nhận hiện còn nợ của bà Phan Thị N với số tiền 112.200.000 đồng (Một trăm mười hai triệu, hai trăm nghìn đồng).

**** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H2 khai:*** Vào tháng 7/2025 tôi được biết Công ty cổ phần I thông qua một người bạn đã làm trong Công ty mời dự hội thảo để bán sầu riêng. Khi được mời tham dự hội thảo thì tôi đã đồng ý. Sau khi tham dự hội thảo thì tôi đã tìm hiểu về

Công ty và đến tham quan văn phòng Công ty tại khu đô thị cà phê T có địa chỉ tại phường B, tỉnh Đắk Lắk và nhà máy của Công ty đặt tại khu Công nghiệp Tâm Th có địa chỉ tại xã Cư J, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi tìm hiểu thấy Công ty cổ phần I có giấy tờ pháp lý đầy đủ, rõ ràng nên tôi quyết định bán vườn sầu riêng của gia đình cho Công ty và tham gia làm nhân viên của Công ty.

Khi đi làm việc tôi được bà Lê Thị P giới thiệu bà Phan Thị N có vườn sầu riêng muốn bán cho Công ty nên tôi đã cùng bà P và đội kỹ thuật của Công ty đến vườn sầu riêng của bà Phan Thị N để xem xét và mua sầu riêng của vườn bà N. Sau khi xem xong thì đội kỹ thuật đánh giá tỷ lệ và báo về Công ty, Công ty đưa ra giá cho bà N. Bà N đồng ý ký hợp đồng mua bán, ký gửi trái sầu riêng tươi cho Công ty. Tại hợp đồng mua bán, ký gửi trái sầu riêng tươi giữa Công ty cổ phần I với bà Phan Thị N do ông Đặng Duy H1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty là người trực tiếp ký hợp đồng với bà Phan Thị N.

Bản thân tôi chỉ là người dẫn đi xem vườn mà không trực tiếp ký hợp đồng và cũng không trực tiếp quyết định giá giao dịch với bà N. Quá trình thực hiện giao dịch mua sầu riêng của Công ty với bà Phan Thị N thì Công ty là người thanh toán trực tiếp tiền mua sầu riêng cho bà N. Hiện Công ty còn nợ bà N số tiền 113.000.000 đồng (Một trăm mười ba triệu đồng). Nay bà Phan Thị N khởi kiện Công ty Cổ phần I thì tôi đề nghị Công ty cổ phần I có nghĩa vụ thanh toán tiền sầu riêng cho bà N theo đúng hợp đồng và giấy xác nhận công nợ mà Công ty đã xác nhận với bà N. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm.

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng T1 trình bày:*** Tôi hoàn toàn nhất trí với nội dung khởi kiện của bà Phan Thị N. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Buộc Công ty cổ phần I có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị N tổng số tiền mua trái sầu riêng Công ty còn nợ là 112.200.000 đồng (Một trăm mười hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 351; khoản 2 Điều 357; Điều 430; Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đề nghị:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N. Buộc Công ty cổ phần I có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị N tổng số tiền mua trái sầu riêng Công ty còn nợ là 112.200.000 đồng (Một trăm mười hai triệu, hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N đối với Công ty cổ phần I liên quan đến số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) Công ty cổ phần I còn nợ đã trả cho bà, tiền lãi do Công ty chậm trả, tiền phạt vi phạm do chậm trả do bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Về thẩm quyền: Căn cứ vào Hợp đồng mua bán trái sầu riêng tươi số 031/HĐMB/2025 ngày 13/08/2025 giữa bà Phan Thị N với Công ty cổ phần I (do ông Đặng Duy H1 là người đại diện theo pháp luật) thì các bên giao kết tại khu vực xã Hòa Đ, huyện Krông P, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk). Nguyên đơn bà Phan Thị N đã lựa chọn Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk để giải quyết. Do vậy, căn cứ Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về sự tham gia của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn Công ty cổ phần I (do ông Đặng Duy H1 là người đại diện theo pháp luật) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 13/08/2025, Công ty cổ phần I với bà Phan Thị N có ký với nhau Hợp đồng mua bán trái sầu riêng tươi số 031/HĐMB/2025 ngày 13/08/2025 kèm phụ lục I (phụ lục giá bán hàng hóa 031-1/HĐMB/2025 ngày 13/08/2025). Sau khi ký hợp đồng thì Công ty cổ phần I đã tiến hành cử người đến cắt trái sầu riêng tại vườn sầu riêng của bà N. Theo Điều 4.1 của Hợp đồng mua bán trái sầu riêng tươi số 031/HĐMB/2025 ngày 13/08/2025 giữa bà Phan Thị N với Công ty cổ phần I thì thời hạn thanh toán của các bên là sau 15 ngày, kể từ ngày cắt và cân hàng hóa của mỗi dao. Công ty đã cắt sầu riêng của vườn bà N vào các ngày 28/08/2025, ngày 05/09/2025 và ngày 12/09/2025. Sau khi cắt thì các bên có lập Giấy xác nhận công nợ ngày 28/08/2025 giữa Công ty với bà N với số tiền Công ty nợ là 175.000.000 đồng, ngày thanh toán 12/09/2025; Giấy xác nhận công nợ ngày 05/09/2025 giữa Công ty với bà N với số tiền Công ty nợ là 113.000.000 đồng ngày thanh toán 20/09/2025; Giấy xác nhận công nợ ngày 12/09/2025 giữa Công ty với bà N với số tiền Công ty nợ là 9.120.000 đồng ngày thanh toán 27/09/2025. Quá trình thanh toán thì cho đến nay Công ty còn nợ bà N 112.200.000 đồng (Một trăm mười hai triệu, hai trăm nghìn đồng) được Công ty thừa nhận và bà N cũng xác nhận hiện Công ty còn nợ bà số tiền

là 112.200.000 đồng. Như vậy, việc xác lập hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh, đồng thời có căn cứ xác định Công ty cổ phần I có mua bán sầu riêng với bà Phan Thị N và còn nợ lại bà N tổng số tiền 112.200.000 đồng (Một trăm mười hai triệu, hai trăm nghìn đồng). Và cho đến nay Công ty chưa trả số tiền còn lại trên cho bà N nên Công ty đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 351, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cầu khởi kiện của bà Phan Thị N đối với Công ty cổ phần I là có căn cứ, nên chấp nhận. Buộc Công ty cổ phần I có trách nhiệm thanh toán cho bà N số tiền mua sầu riêng còn nợ là 112.200.000 đồng (Một trăm mười hai triệu, hai trăm nghìn đồng).

* Quá trình làm việc, bà Phan Thị N tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) Công ty cổ phần I còn nợ đã trả cho bà, tiền lãi do Công ty chậm trả, tiền phạt vi phạm do chậm trả và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) Công ty còn nợ đã trả cho bà, tiền lãi do Công ty chậm trả, tiền phạt vi phạm do chậm trả nữa.

Xét thấy việc bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty cổ phần I là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N đối với Công ty cổ phần I.

[3] Về án phí: Do chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N nên bị đơn Công ty cổ phần I phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Phan Thị N 2.881.000 đồng (Hai triệu, tám trăm tám mươi mốt nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp (do ông Đồng Ngọc H nộp thay) theo biên lai thu số 0005687 ngày 16/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 92, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Áp dụng khoản 1 Điều 351, khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N.

Buộc Công ty cổ phần I có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị N tổng số tiền mua trái sầu riêng Công ty còn nợ là 112.200.000 đồng (Một trăm mười hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N đối với Công ty cổ phần I liên quan đến số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) Công ty cổ phần I còn nợ đã trả cho bà, tiền lãi do Công ty chậm trả, tiền phạt vi phạm do chậm trả do bà Phan Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần I phải chịu 5.610.000 đồng (Năm triệu, sáu trăm mười nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (Theo mức tính: 112.200.000 đồng x 5% = 5.610.000 đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Phan Thị N 2.881.000 đồng (Hai triệu, tám trăm tám mươi mốt nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Phan Thị N đã nộp (do ông Đồng Ngọc H nộp thay) theo biên lai thu số 0005687 ngày 16/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND khu vực 4;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh